

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5893/TTr-SXD ngày 27/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với những nội dung chính sau:

1. Vị trí, giới hạn, quy mô diện tích

a) Vị trí, giới hạn: Dự án thuộc xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai có phạm vi giới hạn như sau:

- Phía Đông: Giáp đường đất lâm trường, cách đường liên xã (Bàu Cạn) khoảng 680 m;

- Phía Tây: Giáp khu đất lâm trường.

- Phía Nam: Giáp khu đất lâm trường;
- Phía Bắc: Giáp dự án khu xử lý chất thải đang hoạt động của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phúc Thiên Long.

b) Quy mô, tỷ lệ lập quy hoạch

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: Khoảng 10,2608 ha.
- Tỷ lệ lập quy hoạch: 1/500.

2. Tính chất, mục tiêu lập quy hoạch

a) Xây dựng Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại với hệ thống hạ tầng kỹ thuật được xây dựng mới, hoàn chỉnh theo quy chuẩn, tiêu chuẩn về xử lý chất thải phù hợp với quy hoạch chung của Tỉnh thuộc hệ thống khu xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai nhằm giải quyết xử lý rác thải theo quy định về bảo vệ môi trường, giảm thiểu chôn lấp chất thải rắn.

b) Xác định tính chất, quy mô, cơ cấu phân khu chức năng sử dụng đất, tổ chức phân lô khu xử lý phân loại chế biến chất thải và chôn lấp, quy hoạch đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật về giao thông, san nền, cấp - thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc...các quy định về bảo vệ môi trường.

c) Tạo cơ sở pháp lý cho việc tiến hành triển khai xây dựng, quản lý xây dựng và đầu tư xây dựng.

3. Các chỉ tiêu áp dụng cho đồ án

a) Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật: Thực hiện theo quy chuẩn, quy phạm Việt Nam hiện hành và các quy phạm xây dựng có liên quan.

- Tiêu chuẩn cấp nước:

- + Khu nhà máy: 40 m³/ha/ngày đêm;
- + Khu điều hành, dịch vụ: $\geq 10\%$ lượng nước sinh hoạt;
- + Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật: $\geq 8\%$ lượng nước sinh hoạt;
- + Khu tưới cây, rửa đường: $\geq 8\%$ lượng nước sinh hoạt.

- Tiêu chuẩn thoát nước: 80% lượng nước cấp.

- Tiêu chuẩn cấp điện:

- + Khu nhà máy: 250 KW/ha;
- + Khu điều hành, dịch vụ: 30% phụ tải khu nhà máy;
- + Khu đầu mối hạ tầng kỹ thuật: 30% phụ tải khu nhà máy;
- + Chiếu sáng công cộng: 15 KW/ha.

b) Các chỉ tiêu quản lý xây dựng

- Tỷ lệ đất khu điều hành: $\leq 10\%$
- Tỷ lệ đất khu phân loại - tái chế- xử lý: 50 - 60%

- Tỷ lệ đất giao thông: 10 - 15%
- Tỷ lệ đất cây xanh - mặt nước: 15 - 25%
- Mật độ xây dựng gộp toàn khu: $\leq 50 \%$.
- Tầng cao xây dựng:
- + Khu điều hành, dịch vụ: 01 - 03 tầng.
- + Công trình nhà kho xưởng: 01 - 02 tầng
- Chỉ giới xây dựng:
- + Đối với phần tường rào tiếp giáp lộ giới đường: $\geq 3 \text{ m}$
- + Đối với phần tường rào tiếp giáp giữa 2 lô đất: $\geq 10 \text{ m}$

c) Chung loại chất thải rắn đáp ứng: Xử lý các loại chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại được thu gom xử lý theo quy hoạch.

d) Công nghệ xử lý tái chế chất thải: Áp dụng các công nghệ xử lý, tái chế, thu hồi chất thải tiên tiến, hiện đại phù hợp với nội dung của Quyết định số 1177/QĐ-BTNMT ngày 13/5/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và hồ sơ công nghệ, đã được Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai thẩm định tại Văn bản số 1675/SKHCHN-QCN ngày 04/10/2019, chỉ áp dụng việc chôn lấp chất thải rắn còn lại sau quá trình xử lý tái chế thu hồi.

đ) Tỷ lệ chất thải rắn còn lại sau quá trình xử lý tái chế thu hồi được chôn lấp của dự án là 2,46% tổng lượng chất thải rắn thu gom.

4. Quy hoạch sử dụng đất, phân khu chức năng, tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

a) Quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	Diện tích	Tỷ lệ
		(m ²)	(%)
1	Khu điều hành - phụ trợ (HC-PT)	6.912,0	6,74
2	Đất khu phân loại - tái chế - xử lý	52.046,0	50,72
2.1	Khu chứa, tiếp nhận - phân loại chất thải (TNPL)	8.714,0	
2.3	Khu tái chế kim loại (TCKL)	7.225,0	
2.3	Khu lò đốt (KLD)	5.213,0	
2.4	Khu tái chế chất thải lỏng (TCCL)	5.224,0	
2.5	Khu chôn lấp chất trơ (HCL)	12.421,0	
2.6	Khu tái chế chất thải nguy hại - nhựa hóa rắn (NHR)	9.503,0	

2.7	Khu xử lý nước thải (XLNT)	3.746,0	
3	Đất giao thông - sân bãi	15.743,5	15,34
4	Đất cây xanh mặt nước	27.906,5	27,2
4.1	Cây xanh cách ly	15.258,5	
4.2	Cây xanh - thảm cỏ	12.048,0	
4.3	Hồ nước (MN)	600,0	
	Tổng cộng	102.608	100,00

b) Phân khu chức năng

- Khu nhà điều hành - phụ trợ (HC-PT): Được bố trí về phía Đông của khu đất dự án, được bố trí ngay ngõ vào chính của khu quy hoạch nhằm cải tạo cảnh quan cũng như thuận lợi cho việc quản lý điều hành, giao dịch với tổng diện tích 6.912 m², chiếm 6,74% tổng diện tích dự án phân bố thành 2 khu:

+ 01 khu (HC-PT1) có quy mô 4.357 m² nằm tiếp giáp với các trục đường N1, D1 bao gồm các hạng mục: Nhà văn phòng, nhà ăn, nhà nghỉ công nhân, nhà bảo vệ, nhà xe, nhà đặt máy phát điện dự phòng, trạm biến áp, trạm cân.

+ 01 khu (HC-PT2) là bãi đậu, rửa xe được bố trí phía đối diện khu xử lý nước thải về phía Bắc khu đất dự án, vị trí lô đất tiếp giáp với các trục đường N2, N3, D3, D2 diện tích khoảng 2.555 m², nhằm thuận tiện cho việc vận chuyển, đậu và rửa xe.

- Khu chứa, tiếp nhận - phân loại chất thải (TNPL): Được bố trí gần Khu nhà điều hành - phụ trợ và công vào để thuận tiện cho việc kiểm soát khối lượng, phân loại, lưu giữ chất thải trước khi xử lý. Bố trí các khối nhà làm nơi tiếp nhận - chứa, phân loại chất thải tiếp giáp các trục đường N2, D1, D2, diện tích khu khoảng 8.714 m², chiếm tỷ lệ 8,49%.

- Khu lò đốt (KLD): Bố trí tiếp giáp với các trục đường N2, N4, D4, D5, diện tích khu khoảng 5.213 m², chiếm tỷ lệ 5,08%.

- Khu tái chế chất thải lỏng (TCCL): Nằm chính giữa về phía Bắc khu đất dự án tiếp giáp với các trục đường N4, N2 và D4, D5 và đối diện với khu lò đốt, diện tích khoảng 5.224 m², chiếm tỷ lệ 5,09%.

- Khu tái chế kim loại (TCKL): Nằm kế bên khu tái chế chất thải lỏng và khu lò đốt và khu chôn lấp, vị trí lô đất tiếp giáp với các trục đường N2, D5, D6, diện tích khoảng 7.225 m² chiếm tỷ lệ 7,04%. Gồm khu lắp đặt các hệ thống xử lý tái chế kim loại -chứa chất thải sau xử và bố trí 1 khu để dự trữ phát triển.

- Khu hồ chôn lấp chất thải (HCL): Nằm kế bên khu tái chế kim loại, vị trí lô đất tiếp giáp với các trục đường N2, N5, D6, D7, diện tích khu chôn lấp khoảng 12.421 m², chiếm tỷ lệ 12,11%. Bố trí gồm 06 hồ chôn có kích thước 36 m x 46,5 m, bố trí đường công tác và cây xanh cách ly xung quanh.

- Khu xử lý tái chế chất thải nguy hại - nhựa hóa rắn (NHR): Bố trí phía

Tây khu đất dự án, nằm kế bên khu hồ chôn lấp chất thải, vị trí lô đất tiếp giáp với các trục đường N5, N7, D7, diện tích khoảng 9.503 m², chiếm tỷ lệ 9,26%. Bao gồm các xưởng xử lý bóng đèn huỳnh quang, xưởng súc rửa thùng phi, xưởng xử lý bo mạch điện tử và bố trí quỹ để dự trữ phát triển.

- Khu xử lý nước thải (XLNT): Nằm kế bên khu tiếp nhận - phân loại chất thải và khu lò đốt, vị trí lô đất tiếp giáp với các trục đường N3, D2, D3, diện tích khoảng 3.746 m².

- Hồ chứa nước sau xử lý (MN): Nằm ở góc phía Tây Nam khu đất dự án, diện tích khoảng 600 m² là hồ chứa nước dự trữ.

- Bảng tổng hợp đất đai và chỉ tiêu xây dựng

Stt	Hạng mục	Diện tích đất (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao	MĐXD %
I	Khu điều hành - phụ trợ (HC-PT)	6.912	6,74		
1	Khu điều hành - phụ trợ 1 (HC-PT1)	4.357			30-40
1.1	Nhà Văn phòng			2-3	
1.2	Nhà ăn			1	
1.3	Nhà nghỉ công nhân			1	
1.4	Nhà bảo vệ			1	
1.5	Nhà xe			1	
1.6	Trạm biến áp			1	
1.7	Nhà đặt máy phát điện dự phòng			1	
1.8	Trạm cân			1	
2	Khu điều hành - phụ trợ 2 (HC-PT2)	2.555			80-90
2.1	Khu vệ sinh xe	2.555		1	
II	Khu tiếp nhận- phân loại chất thải (TNPL)	8.714	8,49		70-80
1	Xưởng tiếp nhận			1	
2	Xưởng phân loại và chứa chất thải			1	
III	Khu xử lý nước thải (XLNT)	3.746	3,65	1-3	70-80
1	Hệ thống xử lý nước thải				
2	Tháp nước - Trạm xử lý				
3	Bể nước ngầm				
IV	Khu xử lý chất thải lỏng (TCCL)	5.224	5,09	1-2	80-90
1	Xưởng tái chế dầu nhớt- dung môi thải				
V	Khu lò đốt (KLD)	5.213	5,08	1-2	60-70
1	Xưởng đốt				
VI	Khu tái chế kim loại (TCKL)	7.225	7,04	1-2	70-80
1	Xưởng xử lý tái chế kim loại 1				
2	Xưởng xử lý tái chế kim loại 2 (dự trữ phát triển)				
VII	Khu chôn lấp (HCL)	12.421	12,11		
1	Hồ chôn lấp				
VIII	Khu tái chế chất thải nguy hại-nhựa	9.503	9,26	1-2	40-60

	hóa rắn (NHR)				
1	Xưởng xử lý bóng đèn huỳnh quang				
2	Xưởng súc rửa thùng phuy				
3	Xưởng xử lý bo mạch điện tử				
4	Khu dự trữ phát triển nhà xưởng				
IX	Cây xanh - mặt nước (CX-MN)	27.906,5	27,2		
1	Cây xanh cách ly	15.258	14,87		
2	Cây xanh thâm cỏ	12.048	11,74		
3	Hồ nước	600	0,58		
X	Giao thông	15.743,5	15,34		
	Tổng cộng	102.608	100		

c) Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

- Bố cục không gian toàn khu được thiết kế dạng tuyến bố cục theo hình dáng khu đất, các khu chức năng được bố trí bám theo trục đường chính trong dự án. Ngoài ra, để kết nối các khu chức năng và tạo sự mạch lạc trong lưu thông, các tuyến đường phụ sẽ được thiết kế bao quanh các khu chức năng.

- Khu cây xanh cách ly, cây xanh công viên được thiết kế tạo thành các mảng xanh lớn bao quanh dự án và bao quanh các khu chức năng tạo sự gắn kết trong bố cục không gian kiến trúc cảnh quan toàn khu.

- Bãi xe của dự án được tổ chức gần khu vực cổng chính của dự án thuận tiện cho việc đỗ xe cũng như gửi xe của cán bộ công nhân viên và di chuyển tiếp cận các khu chức năng khác.

d) Thiết kế đô thị

- Đối với cây xanh trên các tuyến đường chính trong dự án: Lựa chọn các cây xanh phù hợp với địa phương, màu sắc và chủng loại phải phù hợp với cảnh quan toàn khu vực, đảm bảo chắn gió, bụi ảnh hưởng đến khu vực xung quanh, cải tạo khí hậu và không làm ảnh hưởng tới các công trình hạ tầng khu vực.

- Khu xử lý chất thải cần xây dựng các nhà xưởng thép tiền chế và các công trình phụ trợ với hình thức kiến trúc và màu sắc hòa hợp với các công trình lân cận, tránh xung đột tổng thể.

- Giải pháp thiết kế công trình kiến trúc:

+ Khu nhà điều hành - phụ trợ (HC-PT):

Khu 1:

Hình thức kiến trúc là công trình kiên cố.

Tầng cao: 1-2 tầng, chiều cao khoảng 4,5-8 m.

Mật độ xây dựng: 30-40 %.

Nền công trình cao hơn 0,45 m so với cốt sân đường hoàn thiện.

Khu 2:

Hình thức kiến trúc là nhà xưởng thép tiền chế, tường và mái lợp tole màu.

Tầng cao: 1 tầng, chiều cao khoảng 10-18 m.

Mật độ xây dựng 80-90 %.

+ Các khu xưởng tái chế xử lý:

Hình thức kiến trúc là nhà xưởng thép tiền chế, tường và mái lợp tole màu.

Tầng cao: 1-2 tầng, chiều cao khoảng 12-18 m.

Mật độ xây dựng: 70-80% (Khu tiếp nhận - phân loại chất thải, khu xử lý nước thải, khu tái chế kim loại), 80-90% (khu xử lý chất thải lỏng), 60-70% (khu lò đốt), 40-60% (Khu tái chế chất thải nguy hại- nhựa hóa rắn).

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Quy hoạch giao thông

- Đường trục chính gồm: Đường N1 (mặt cắt 1-1) lộ giới 12 m; Đường N2 (mặt cắt 2-2) lộ giới 8 m; Đường N5 (mặt cắt 2-2) lộ giới 8 m; Đường D1- D7 (mặt cắt 2-2) lộ giới 8 m.

- Đường nội bộ gồm: Đường N3 -N4 (mặt cắt 3-3) lộ giới 6 m; Đường D2 (mặt cắt 2-2) lộ giới 8 m; Đường D8 (mặt cắt 1-1) lộ giới 12 m; Đường D3- D4 - D5- D6 (mặt cắt 3-3) lộ giới 6 m.

- Đường công vụ (mặt cắt 4-4) lộ giới 3,5 m.

- Kết cấu mặt đường: Mặt đường bê tông xi măng.

Việc kết nối án với tuyến đường nhựa hiện hữu ở phía đông được đầu tư xây dựng có mặt đường xe chạy rộng 12m, chiều dài khoảng 50 m, kết cấu mặt đường bằng bê tông đá 1x2M250. Việc đầu tư sẽ được chủ đầu tư thỏa thuận bằng văn bản với địa phương.

b) Quy hoạch san nền

- Bám theo địa hình tự nhiên và cao độ khống chế tại các khu vực xây dựng thực hiện san nền cục bộ từng khu vực xây dựng, tại các vị trí có cốt nền thay đổi gập cấp thiết kế tường chắn đất xây bằng đá hộc để tránh sạt lở giữa các khu vực. Hướng dốc san nền theo hướng Đông - Tây và có độ dốc từ 0.5% đến 2.5%.

- Cao độ thiết kế san nền lớn nhất 64,0 m, cao độ thiết kế san nền nhỏ nhất 39,90 m, lưới san lắp ô vuông kích thước 20 x 20 m. Tận dụng đất đào để chuyển xuống các khu vực đắp nền.

c) Quy hoạch thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Sử dụng hệ thống mương, cống BTCT có đường kính D600-D1000 được bố trí dọc theo hai bên của lề đường giao thông. Trên các đoạn mương, cống bố trí các cửa thu nước để thu nước mưa, độ dốc bám theo địa hình dốc từ Đông sang Tây và phải đảm bảo thoát nước không gây ngập úng.

- Lượng nước mưa được thu gom từ các tuyến nhánh và chảy vào tuyến cống, mương chính ở phía Bắc, sau đó chảy về cuối tuyến và đổ ra mương ở phía tây khu quy hoạch tập trung về hồ chứa dự trữ phục vụ rửa đường và tưới cây.

d) Quy hoạch thoát nước thải

- Hệ thống thoát nước thải được thiết kế tách riêng với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải trong khu dự án gồm nước thải sinh hoạt tại khu hành chính và nước thải phát sinh từ khu xử lý rác. Mạng lưới thoát nước thải đảm bảo chức năng thu gom nước thải trong toàn khu ra hệ thống cống nước thải đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 500 m³/ngày đêm đạt tiêu chuẩn cột A của QCVN 25: 2009/BTMNT và QCVN 40: 2011/BTNMT trước khi được bơm vào mương thoát nước mưa đưa vào hồ dự trữ sau đó chảy ra suối Cả ở phía tây cách khu quy hoạch khoảng 350 m.

- Nước thải sinh hoạt từ các khu vệ sinh trong nhà điều hành, khu sản xuất riêng từng khu vực được xử lý qua bể tự hoại xây dựng đúng quy cách trước khi xả ra hệ thống cống thoát nước thải chạy dọc theo các đường nội bộ cùng với nước thải phát sinh từ khu xử lý được thu gom dẫn về tuyến thoát nước thải trên đường N2 chia thành 2 lưu vực:

- + Lưu vực 1 (phía Đông dự án): Nước thải được thu gom dẫn về tuyến thoát nước thải trên đường N2 dẫn trực tiếp về Trạm xử lý chung của dự án.

- + Lưu vực 2 (phía Tây dự án): Nước thải được thu gom dẫn về tuyến thoát nước thải trên đường N2 dẫn về bể chứa nước thải được bố trí trong dải cây xanh trên trục đường D7, tại đây nước thải được bơm áp lực đẩy về trạm xử lý chung của dự án. Ống dẫn áp lực sử dụng ống HDPE D150.

- Cống thoát nước thải dùng loại cống BTCT ly tâm đúc sẵn đường kính D300. Ống nước thải có áp (bơm áp lực) sử dụng ống HDPE D150.

đ) Quy hoạch cấp nước

- Trong khu vực đã có hệ thống cấp nước tập chung đi dọc đường Bàu Cạn, cách ranh dự án khoảng 680 m. Nguồn nước cấp cho dự án được lấy từ hệ thống cấp nước đi dọc đường Bàu Cạn sạch do Công ty cổ phần cấp nước Hồ Cầu Mới làm chủ đầu tư. Mạng lưới đường ống sử dụng ống HDPE D100 được thiết kế hoàn thiện, được bố trí theo dạng mạch vòng, để đảm bảo nước cấp không bị gián đoạn khi có sự cố xảy ra.

- Đường ống cấp nước được đặt dưới vỉa hè với chiều sâu chôn ống tối thiểu từ 0,5m, tại những vị trí băng đường sử dụng ống lồng thép với độ sâu chôn ống tối thiểu từ 0,7 m. Trên các tuyến ống có bố trí các trụ cứu hỏa với khoảng cách trung bình không vượt quá 150 m/trụ, vị trí trụ đặt cách mép đường không quá 2,5 m để thuận tiện cho việc lấy nước chữa cháy.

e) Quy hoạch hệ thống điện

- Hiện trạng có hệ thống lưới điện 22kV tuyến 471 Bàu Cạn, trạm trung gian 110/22kV Bàu Cạn. Nguồn cấp được lấy từ xuất tuyến 471 tuyến Bàu Cạn, trạm trung gian 110/22kV Bàu Cạn. Đầu nối tuyến trung thế xây dựng mới cho nhà máy với tổng công suất nhu cầu 730kVA.

- Cấp nguồn lưới trung thế cho 01 trạm biến áp phân phối công suất trạm từ (750÷1000)kVA gần khu lò đốt và xử lý nước thải, vị trí trạm đặt phần đất cây xanh CX5 và ở tâm phụ tải. Lưới hạ thế nhận được từ phía thứ cấp của trạm thông qua các thiết bị bảo vệ tại tủ và cáp điện đến cấp nguồn cho các công trình.

- Nguồn điện hạ thế đi nổi trên trụ bê tông từ máy biến áp được đưa tới tủ phân phối đặt tại vị trí mỗi khu, cáp hạ thế đi trên thang máng cáp hoặc đi trong ống hpde âm trong đất vào tủ.

g) Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

- Nguồn tín hiệu được ghép nối vào mạng viễn thông của Bưu điện tỉnh Đồng Nai (từ trạm viễn thông lấy từ Bưu điện huyện Long Thành). Hệ thống mạng cáp điện thoại đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về viễn thông cho nhà máy, tổng số máy dự kiến là 44 máy.

- Các đường cáp khu vực được xây dựng đi nổi và sử dụng loại cáp 50 đôi. Tuyến cáp từ đường chính vào khu quy hoạch được đi nổi trên trụ bê tông dọc lề đường, mỗi trụ cách nhau khoảng 40 m, cao 8,4 đến 12 m, cáp trong mạng nội bộ chủ yếu sử dụng loại cáp có tiết diện lõi dây 0,5 mm.

h) Đánh giá môi trường chiến lược: Tuân thủ theo Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường Quyết định 1177/QĐ-BTNMT ngày 13/5/2019 phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6. Tiến độ thực hiện và danh mục các công trình cần đầu tư xây dựng

a) Giai đoạn 1: Từ năm 2020 đến năm 2021

- Thực hiện các thủ tục pháp lý để triển khai xây dựng.
- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn khu.
- Xây dựng các hạng mục công trình.
- Vận hành các công nghệ xử lý.

b) Giai đoạn 2: Từ năm 2021 đến năm 2022

- Xây dựng, vận hành các hạng mục công trình dự trữ phát triển.

7. Quy định quản lý

Ban hành Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp và nguy hại tại xã Bàu Cạn, huyện Long Thành, gồm 03 Chương và 11 Điều.

8. Tổ chức thực hiện, nguồn vốn thực hiện

a) Nguồn vốn lập quy hoạch: Vốn chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên.

Điều 2. Trên quy hoạch chi tiết được duyệt, Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên có trách nhiệm:

1. Phối hợp UBND huyện Long Thành, UBND xã Bàu Cạn thực hiện việc công bố công khai quy hoạch và tuân thủ xây dựng, quản lý quy hoạch theo đúng nội dung hồ sơ đã được duyệt.

2. Căn cứ quy hoạch được duyệt, thực hiện các thủ tục tiếp theo trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thi công, thực hiện đầu tư xây dựng tuân thủ theo đúng quy định hiện hành.

3. Trong quá trình thiết kế các bước tiếp theo, liên hệ với các cơ quan chuyên ngành để thỏa thuận các chỉ tiêu kỹ thuật phù hợp, vị trí đầu nổi hạ tầng chung khu vực.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, Giao thông Vận tải, Thông tin và truyền thông; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục thuế; Chủ tịch UBND huyện Long Thành, Chủ tịch UBND xã Bàu Cạn; Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên; Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng (KTN);
- Lưu: VT, KTN.



Cao Tiến Dũng